

Số: 12 /2021/QĐ-TGD

Nha Trang, ngày 26 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành đơn giá dịch vụ cảng biển Cảng Nha Trang

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

- Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/06/2012; Nghị định số 177/2013/NĐ-CP về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014; Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính, sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 56/2014/TT-BTC;

- Căn cứ Thông tư 54/2018/TT-BGTVT, ngày 14/11/2018 của Bộ Giao thông Vận tải về việc ban hành Khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại Cảng biển Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Nha Trang;

- Căn cứ quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc Cảng Nha Trang;

- Căn cứ vào các loại hình dịch vụ cung cấp tại Cảng, các yếu tố cấu thành giá dịch vụ và các chính sách hiện hành,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **Biểu giá dịch vụ Cảng biển** áp dụng cho các chủ hàng, chủ tàu vận tải biển có sử dụng dịch vụ của Công ty cổ phần Cảng Nha Trang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022. Các Quyết định trước đây về giá dịch vụ cảng biển không còn giá trị thực hiện.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các phòng, ban căn cứ Quyết định thi hành. Trường hợp phát sinh tác nghiệp, chủng loại hàng hóa không nêu tại Biểu giá này các đơn vị có ý kiến về Phòng kế hoạch khai thác để báo cáo xin ý kiến của Tổng Giám đốc trước khi thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT



NGUYỄN HỮU ĐOÀN

BIỂU GIÁ DỊCH VỤ CẢNG BIỂN CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

(Ban hành kèm theo quyết định số: 12 /QĐ-CNT ngày 26/12/2021
của Tổng Giám đốc Công ty cổ Phần Cảng Nha Trang)

A- QUY ĐỊNH CHUNG

I/ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Biểu giá dịch vụ cảng biển này (sau đây gọi tắt là giá dịch vụ cảng biển) được áp dụng cho các đối tượng sau:

1. Phương tiện thủy hoạt động vận tải, hành khách từ Việt Nam đi nước ngoài và từ nước ngoài đến Việt Nam, vận tải quá cảnh Việt Nam, vận tải trung chuyển quốc tế (gọi chung là vận tải quốc tế) thực tế vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải hoặc vùng nước thuộc cảng biển Việt Nam.
2. Hành khách (kể cả thuyền viên, sỹ quan) từ nước ngoài đến Việt Nam bằng đường biển hoặc ngược lại.

II/ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

- Đồng tiền thu giá dịch vụ cảng biển Đối nội được quy định bằng Việt Nam đồng (đồng).
- Đồng tiền thu giá dịch vụ cảng biển Đối ngoại được quy định bằng Đô la Mỹ (USD).
- Thực hiện theo Nghị định số 146/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 của Chính phủ về việc niêm yết giá, các đơn giá trong biểu giá này đã được quy đổi tương đương sang Việt Nam Đồng (đồng) theo tỷ giá bán chuyển khoản do Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam tại thời điểm ban hành biểu giá.
- Việc thanh toán cước theo biểu giá này được thực hiện theo các quy định hiện hành về quản lý ngoại tệ của Nhà nước Việt Nam. Trường hợp phải chuyển đổi từ đồng Đô la Mỹ sang đồng Việt Nam để thanh toán thì tỷ giá quy đổi là tỷ giá mua vào tại thời điểm thanh toán của Ngân hàng làm thủ tục thanh toán.
- Thuế suất áp dụng:
 - + Đối với đơn giá đối ngoại (USD) đã bao gồm thuế.
 - + Đối với đơn giá đối nội (VND) chưa bao gồm thuế.

Thuế suất áp dụng cho từng loại dịch vụ và theo luật thuế hiện hành

III/ ĐƠN VỊ TÍNH CƯỚC VÀ CÁCH QUY TRÒN

Mức thu giá dịch vụ cảng biển được tính trên cơ sở tổng dung tích GT, công suất máy chính được tính bằng mã lực (Horse Power-HP) hoặc Kwat (KW) của tàu thủy; thời gian được tính bằng giờ, ngày; khối lượng hàng hoá được tính bằng tấn hoặc m³; container được tính bằng chiếc; khoảng cách tính bằng hải lý. Cụ thể:

1. Đơn vị trọng tải:

1.1 Trọng tải tính giá là tổng dung tích toàn phần GT của phương tiện thủy, phân lẻ dưới 0,5 GT không tính, từ 0,5 GT trở lên tính tròn 1 GT.

1.2 Tàu thủy không ghi GT, trọng tải tính giá dịch vụ cảng biển được quy đổi như sau:

- Tàu kéo, tàu đẩy, tàu công trình...: 1 HP tính 0,5GT.
- Sà lan: 1 tấn trọng tải đăng ký tính 1 GT.

1.3. Đối với tàu thủy chở hàng khô (Dry Carriers), container, hàng lỏng (Liquid Cargo) Tankers: trọng tải tính giá dịch vụ cảng biển là tổng dung tích GT ghi trong giấy chứng nhận đăng kiểm.

1.4. Đối với tàu thủy là đoàn sà lan, tàu kéo (hoặc tàu đẩy): trọng tải tính giá dịch vụ cảng biển là tổng GT của cả đoàn sà lan và tàu kéo (hoặc tàu đẩy).

2. **Đơn vị công suất:** là mã lực (HP), phần lẻ dưới 1 HP tính tròn 1 HP.

3. **Đơn vị thời gian:**

- Đối với đơn vị thời gian là ngày: ngày tính 24 giờ, dưới 12 giờ tính 1/2 ngày, từ 12 giờ trở lên tính 1 ngày.

- Đối với thời gian là giờ: 1 giờ tính bằng 60 phút; phần lẻ từ 30 phút trở xuống tính bằng 1/2 giờ, trên 30 phút tính bằng 1 giờ.

IV/ GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Một số từ ngữ trong Quyết định này được hiểu như sau:

1. Kho, bãi: là kho, bãi thuộc vùng đất Cảng do Cảng quản lý.
2. Tàu lai hỗ trợ: là tàu được thiết kế, đăng kiểm và đăng ký hoạt động làm dịch vụ lai dắt, hỗ trợ tàu ra vào cảng.
3. Tàu công trình: là tàu chuyên dùng để thi công xây dựng các công trình thủy.
4. Vận tải quốc tế: là vận tải hàng hoá, container, hành khách từ Việt Nam đi nước ngoài và từ nước ngoài đến Việt Nam, vận tải quá cảnh, vận tải trung chuyển quốc tế.
5. Người vận chuyển: là người dùng tàu thủy thuộc sở hữu của mình hoặc thuê tàu thủy thuộc sở hữu của người khác để thực hiện vận chuyển hàng hoá, hành khách.
6. Người được uỷ thác: là tổ chức, cá nhân được người vận chuyển hoặc chủ hàng uỷ quyền để thực hiện việc bốc dỡ, giao nhận và bảo quản hàng hoá tại cảng.
7. Chuyển: tàu thủy vào cảng 01 lượt và rời cảng 01 lượt được tính là 01 chuyến.

V/ THỜI GIAN LÀM VIỆC

1. Thời gian làm việc trong ngày từ 0 giờ - 24 giờ.

B- QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Phần I: BIỂU GIÁ DỊCH VỤ CẢNG BIỂN ĐỐI NỘI

I/ GIÁ DỊCH VỤ CẦU BẾN

1. Quy định chung:

- Đậu tại cầu: 50 đồng/GT-giờ
- Cập mạn tại cầu: 42 Đồng/GT-giờ

Trong đó:

Stt	Nơi đậu	Giá dịch vụ sử dụng cầu bến phao neo	Giá dịch vụ tiện ích gia tăng
1	Đậu tại cầu	15 đồng/GT – giờ	35 đồng/GT – giờ
2	Cập mạn tại cầu	7 đồng/GT – giờ	

Giá dịch vụ tiện ích gia tăng: Giá dịch vụ tiện ích gia tăng bao gồm nhưng không giới hạn đèn điện chiếu sáng, vệ sinh môi trường trong quá trình tàu đậu tại cảng, phòng cháy chữa cháy, an ninh cảng biển, nâng cấp bảo dưỡng cầu bến

a/ Tàu đỗ nhiều nơi trong phạm vi Cảng thì tính theo thời gian thực tế tàu đỗ từng khu vực sau đó cộng lại.

b/ Trường hợp tàu đã nhận được lệnh rời cầu của Cảng vụ, sau thời gian 1 giờ kể từ khi nhận được lệnh, nếu phương tiện vẫn chiếm cầu thì mức thu tăng thêm 200% mức giá nêu trên.

c/ Trường hợp tàu không hoạt động được do thời tiết trên 1 ngày (24 giờ liên tục) thì được miễn giá cước cầu bến của thời gian không hoạt động liên tục đó.

d/ Mức thu tối thiểu cho một phương tiện một lần cập cầu là 1.000.000 đồng

II/ GIÁ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

1. Giá dịch vụ tàu lai hỗ trợ:

Số lượng và công suất tàu lai hỗ trợ thực hiện theo quy định của Cục Hàng hải Việt Nam và quy định của Cảng Vụ Hàng hải Nha Trang.

Đơn giá dịch vụ tàu lai hỗ trợ dưới đây được tính cho từng loại tàu lai hỗ trợ và được áp dụng cho một chuyến hỗ trợ tàu biển cập hoặc rời cầu bến

ĐVT: đồng/lượt cập hoặc rời cầu

Mã lực (HP)	Đơn giá
2.500	90.000.000 đồng
1.500	35.000.000 đồng

2. Giá dịch vụ buộc, cởi dây:

STT	Trọng tải tàu	Đơn giá 1 lần buộc hoặc cởi dây	
		Tại cầu	Tại Phao
1	Từ 1.000 GRT trở xuống	180.000	700.000
2	Từ 1.001 GRT đến 2.000 GRT	360.000	700.000
3	Từ 2.001 GRT đến 4.000 GRT	480.000	700.000
4	Từ 4.001 GRT đến 6000 GRT	660.000	700.000
5	Từ 6.001 GRT đến 10.000 GRT	840.000	700.000
6	Từ 10.001 trở lên	1.200.000	900.000

3. Giá đổ rác và chất thải nguy hại:

3.1 Giá đổ rác thải sinh hoạt: 150.000/lần (Đối với tàu đổ dài ngày 3 ngày tính đổ rác 1 lần.)

3.2 Giá chất thải nguy hại: 20.000 đồng/kg

4. Giá dịch vụ điện: 7.000 đồng/kw

5. Giá dịch vụ nước ngọt: 40.000 m³

6. Giá phương tiện ra vào cảng:

6.1 Giá thu dịch vụ phương tiện, áp dụng cho các phương tiện ra/vào cung ứng dịch vụ:

DỊCH VỤ	ĐVT	ĐƠN GIÁ
Xe < 15 chỗ	Đồng/lượt	20.000
Xe > 15 => 30 chỗ	Đồng/lượt	30.000
Xe > 30 => 50 chỗ	Đồng/lượt	40.000
Xe lưu lại tại bãi	Đồng/xe/lần	70.000
Ô tô < 5 tấn	Đồng/lượt	50.000
Ô tô 5 => 10 tấn	Đồng/lượt	100.000
Ô tô > 10 tấn	Đồng/lượt	200.000
Người ra/vào cảng	Đồng/người	20.000
Xe ô tô vào cấp thực phẩm	Đồng/lượt	200.000
Xe vào cấp nhiên liệu cho tàu	Đồng/lượt/xe	300.000
Xe vào tác nghiệp khác *	Đồng/xe	Thỏa thuận

* Tùy thuộc vào tình hình thực tế và tính chất công việc sẽ thỏa thuận với chủ phương tiện để báo giá.

6.2 Giá thu xe vào cảng đón tàu khách

Xe < 30 chỗ: 150.000 đồng/xe

Xe > 30 chỗ: 250.000 đồng/xe

7. Giá dịch vụ khác phục vụ tại cảng:

7.1 Thuê cầu phục vụ tại Cảng: 5.000.000 đồng/lượt

7.2 Thuê cầu bến: 6.000 đồng/m-giờ

7.3 Thuê xe nâng: 4.000.000 đồng/(ca 6 giờ)

7.4 Thuê bãi: 25.000/m²/tháng

7.5 Thuê kho: 50.000/m²/tháng

7.6 Cân điện tử: 200.000/lượt

Phần II: BIỂU GIÁ DỊCH VỤ CẢNG BIỂN ĐỐI NGOẠI

I/ GIÁ DỊCH VỤ CẦU BỀN

1. Quy định chung:

- Đậu tại cầu: 0,0036 USD/GT-giờ
- Cập mạn tại cầu: 0,0020 USD/GT-giờ

Trong đó:

Stt	Nơi đậu	Giá dịch vụ sử dụng cầu bến phao neo	Giá dịch vụ tiện ích gia tăng
1	Đậu tại cầu	0,0031 USD/GT – giờ	0,0005 USD/GT – giờ
2	Cập mạn tại cầu	0,0015 USD/GT – giờ	

Giá dịch vụ tiện ích gia tăng: Giá dịch vụ tiện ích gia tăng bao gồm nhưng không giới hạn đèn điện chiếu sáng, vệ sinh môi trường trong quá trình tàu đậu tại cảng, phòng cháy chữa cháy, an ninh cảng biển, nâng cấp bảo dưỡng cầu bến

a/ Tàu đỗ nhiều nơi trong phạm vi Cảng thì tính theo thời gian thực tế tàu đỗ từng khu vực sau đó cộng lại.

b/ Trường hợp tàu đã nhận được lệnh rời cầu của Cảng vụ, sau thời gian 1 giờ kể từ khi nhận được lệnh, nếu phương tiện vẫn chiếm cầu thì mức thu tăng thêm 200% mức giá nêu trên.

c/ Trường hợp tàu không hoạt động được do thời tiết trên 1 ngày (24 giờ liên tục) thì được miễn giá cước cầu bến của thời gian không hoạt động liên tục đó.

d/ Mức thu tối thiểu cho một phương tiện một lần cập cầu là 100 usd

2. Đối với tàu khách - tàu quân sự - tàu khác:

a/ Tàu khách:

- Giá cầu bến được tính bằng 100% trên tổng GT của tàu đối với các tàu đã có lịch đăng ký kế hoạch tàu đến Cảng.

- Trường hợp các tàu khách đến Cảng đột xuất, không có kế hoạch đăng ký trước (*Cảng nhận được thông báo tàu đến dưới 10 ngày trước khi tàu cập cảng*), Cảng phải thu xếp cầu bến để ưu tiên bến cho tàu khách cập cầu thì được tính bằng 130% giá cầu bến đã nêu tại Điểm I/1.

- Trường hợp các tàu khách hủy kế hoạch đến Cảng đột xuất (*Cảng nhận được thông báo hủy dưới 10 ngày trước khi tàu có kế hoạch cập cảng*), thì Cảng sẽ thu giá cầu bến đã nêu tại Điểm I/1 theo thời gian 12 giờ và giá ưu tiên bố trí cầu bến.

b/ Tàu quân sự, du thuyền, loại tàu nhỏ, các loại tàu khác

- Đối với các tàu này (do tính chất đặc thù của loại tàu) thì tính thu giá dịch vụ theo mét chiều dài của cả bến. Đơn giá: **0,3 USD/mét cầu-giờ**

Trường hợp thuê cầu bến dài hạn (trên 2 ngày): Đơn giá theo thỏa thuận

- Trường hợp tàu cập mạn tàu cùng một bến thì tính thu bằng 50% giá dịch vụ theo mét chiều dài của cả bến.

- Đối với các tàu do tính chất đặc biệt và yêu cầu an ninh, an toàn; tàu sử dụng 2 bến cho 1 tàu, Cảng tính thu theo mét chiều dài cầu của cả 2 bến.

- Trường hợp các tàu đến Cảng đột xuất, không có kế hoạch đăng ký trước (*Cảng nhận được thông báo tàu đến dưới 10 ngày trước khi tàu cập cảng*), Cảng phải thu xếp cầu bến để ưu tiên bến cho tàu quân sự cập cầu thì được tính bằng 130% giá cầu bến đã nêu tại Mục a,

- Trường hợp các tàu hủy kế hoạch đến Cảng đột xuất (*Cảng nhận được thông báo hủy dưới 10 ngày trước khi tàu có kế hoạch cập cảng*), thì Cảng sẽ thu giá cầu bến đã nêu tại Mục b, Điểm I/2 theo thời gian 12 giờ, 210 mét cầu và giá ưu tiên bố trí cầu bến

3. Giá ưu tiên bố trí cầu bến:

Giá ưu tiên bố trí cầu bến, chuẩn bị mặt bằng bến bãi, dọn dẹp cầu cảng, dựng rạp và các phương tiện hậu cần khác để đón tàu, được tính thu thêm như sau:

Tàu có chiều dài dưới 150 m:	500 USD/chuyến
Tàu có chiều dài từ 150 m trở lên:	1.000 USD/chuyến

4. Giá dịch vụ hành khách, thủy thủ thuyền viên:

- Lượt vào: 2,50 USD/người
- Lượt ra: 2,50 USD/người
- Trẻ em dưới 12 tuổi không thu.
- Giá thu hành khách, thuyền viên được tính theo lượng khách thuyền viên đi lên bờ.

II/ GIÁ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

8. Giá dịch vụ tàu lai hỗ trợ:

Số lượng và công suất tàu lai hỗ trợ thực hiện theo quy định của Cục Hàng hải Việt Nam và quy định của Cảng Vụ Hàng hải Nha Trang.

Đơn giá dịch vụ tàu lai hỗ trợ dưới đây được tính cho từng loại tàu lai hỗ trợ và được áp dụng cho một chuyến hỗ trợ tàu biển cập hoặc rời cầu bến

ĐVT: USD/chuyến

Mã lực (HP)	Đơn giá
2.500	5.000 USD
1.500	4.000 USD

9. Giá dịch vụ buộc, cởi dây:

STT	Trọng tải tàu	Đơn giá 1 lần buộc hoặc cởi dây	
		Tại cầu	Tại Phao
1	Từ 2.000 GRT trở xuống	22 USD/lần	55 USD/lần
2	Từ 1.001 GRT đến 4.000 GRT	37 USD/lần	
3	Từ 4.001 GRT đến 10.000 GRT	49 USD/lần	
4	Từ 10.001 GRT đến 15.000 GRT	55 USD/lần	
5	Từ 15.001 GRT đến 20.000 GRT	73 USD/lần	
6	Từ 20.001 trở lên	94 USD/lần	

10. Giá đổ rác và chất thải nguy hại:

3.1 Giá đổ rác thải sinh hoạt

STT	Trọng tải tàu	Đơn giá
1	Từ 15.000 GRT trở xuống	28 USD/lần
2	Từ 15.000 GRT trở lên	35 USD/lần

Đối với tàu đổ dài ngày 3 ngày tính đổ rác 1 lần.

Đối với tàu khách: 1 USD/người (bao gồm cả thuyền viên và hành khách)

Tối thiểu: 110 USD/lần

Tối đa: 700 USD/lần

3.2 Giá chất thải nguy hại: 2 usd/m³

11. **Giá sử dụng điện:** 1 USD/kw
12. **Giá sử dụng nước:** 4 m³
13. **Giá phương tiện ra vào cảng:**
 - Ô tô trên 30 chỗ: 11 USD/Xe – tương đương 250.000 đồng/ xe
 - Ô tô dưới 30 chỗ: 6 USD/xe – tương đương: 150.000 đồng/xe

VI/ CÁC QUY ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH CHUNG:.

1. Trong trường hợp đặc biệt, Tổng Giám đốc Cảng được quyền tăng hoặc giảm đến 10% so với mức giá trong Biểu cước này.
2. Trường hợp giá nhiên liệu và giá cả thị trường có sự thay đổi biến động tùy theo mức độ, Tổng giám đốc cảng có sự điều chỉnh lại mức giá cước cho phù hợp.

C – TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Biểu giá này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.
2. Các đơn giá qui định tại Biểu cước dịch vụ cảng biển này đã bao gồm Thuế giá trị gia tăng (VAT).
3. Trường hợp các dịch vụ mới phát sinh chưa qui định trong biểu giá này, Cảng, đại lý, chủ tàu thỏa thuận cho từng tác nghiệp.
4. Trường hợp có tranh chấp về đối tượng áp dụng thì tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ thanh toán giá dịch vụ cảng biển phải có hồ sơ tài liệu chứng minh. Nếu không có tài liệu chứng minh thì phải thanh toán theo Biểu giá đối ngoại dịch vụ cảng biển quy định tại Quyết định này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Đoàn

